

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 16-5-2023.

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Trọng Quân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn Công;

2. Bà Phạm Thị Thu Yên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Cảnh Khang, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Công, Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1255/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Ngọc T, sinh năm 1987; nơi đăng ký thường trú: Ấp KT, xã TB, huyện BT, tỉnh Cà Mau; tạm trú: Y, khu phố TP, phường AT, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Bùi Hoàng T1, sinh năm 1974; nơi đăng ký thường trú: Ấp TH, xã TĐ, huyện DD, tỉnh Cà Mau; tạm trú: Y, khu phố TP, phường AT, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt lần thứ 2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng nguyên đơn là bà Lê Ngọc T trình bày:

Bà Lê Ngọc T và ông Bùi Hoàng T1 quen biết và tự tìm hiểu nhau, có tổ chức đám cưới và chung sống với nhau từ năm 2005, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Biển Bạch - nay là xã Tân Bằng, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 102, ngày 23/3/2005.

Sau khi kết hôn, cuộc sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không còn phù hợp, bất đồng trong cuộc sống, thường xuyên cãi vã, cuộc sống không còn hạnh phúc. Do mâu thuẫn trầm

trọng nên bà Lê Ngọc T và ông Bùi Hoàng T1 sống ly thân, không ai còn quan tâm đến ai. Nhận thấy tình cảm không còn, xung đột và mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể đoàn tụ tiếp tục chung sống với nhau được nữa, bà Lê Ngọc T yêu cầu được ly hôn với ông Bùi Hoàng T1.

Về con chung: Bà Lê Ngọc T và ông Bùi Hoàng T1 sinh được 01 người con chung tên Bùi Lê BP, sinh ngày 04/02/2007 hiện nay con đang ở chung với bà T. Hiện nay bà T đang làm nghề tự do, có mức thu nhập hàng tháng khoảng 20 triệu đồng; bà T xác định có đủ khả năng và điều kiện nuôi con nên yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Bà T không yêu cầu ông Bùi Hoàng T1 phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông Bùi Hoàng T1 đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng và giấy triệu tập nhiều lần nhưng không đến Tòa án, cũng không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An có ý kiến:

Về tố tụng: Thư ký, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự không bị hạn chế các quyền khi tham gia tố tụng, nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ nhưng lần thứ 2 vắng mặt tại phiên tòa là tự từ bỏ quyền chứng minh, tranh tụng của mình, chứng tỏ không mong muốn hàn gắn tình cảm gia đình nên Tòa án xét xử vụ án vắng mặt các đương sự là đúng quy định.

Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát cho rằng mâu thuẫn giữa bà Lê Ngọc T và ông Bùi Hoàng T1 là trầm trọng thể hiện ở việc hai người không còn sống chung, không quan tâm gì đến nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Về con chung: Bà Lê Ngọc T và ông Bùi Hoàng T1 sinh được 01 người con chung tên Bùi Lê BP, sinh ngày 04/02/2007 hiện nay con đang sống chung với bà T. Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không yêu cầu ông Bùi Hoàng T1 cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận. Về tài sản chung, nợ chung bà Lê Ngọc T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Ông Bùi Hoàng T1 là bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ nhưng lần thứ 2 vắng mặt tại phiên tòa nên phải chịu trách nhiệm về việc không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án; Bà Lê Ngọc T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó,

căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt ông Bùi Hoàng T1 và bà Lê Ngọc T.

Bà Lê Ngọc T khởi kiện ly hôn, tranh chấp về con chung với ông Bùi Hoàng T1, đây là tranh chấp quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Bùi Hoàng T1 là bị đơn hiện đang cư trú tại phường An Thạnh, thành phố Thuận An nên Tòa án nhân dân thành phố Thuận An thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Ngọc T và ông Bùi Hoàng T1 tự tìm hiểu, quen biết nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Biển Bạch, nay là xã Tân Bằng, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 102, ngày 23/3/2005 đây là hôn nhân hợp pháp.

[3] Về mâu thuẫn vợ chồng:

Theo trình bày của bà Lê Ngọc T, sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do tính tình thay đổi, thường xuyên cãi vã, lâu dần làm cho cuộc sống hàng ngày căng thẳng, mệt mỏi, không có tiếng nói chung, dần dần mất tình cảm, không còn quan tâm đến nhau. Hiện nay, bà Lê Ngọc T và ông Bùi Hoàng T1 không còn chung sống với nhau, không quan tâm gì đến nhau, mạnh ai nấy sống. Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông Bùi Hoàng T1 không đến Tòa án và cũng không có ý kiến phản hồi về yêu cầu khởi kiện của bà T, điều đó cho thấy ông Bùi Hoàng T1 không có mong muốn hàn gắn hạnh phúc gia đình với bà Lê Ngọc T. Như vậy, trình bày của bà Lê Ngọc T về mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng là có căn cứ, phù hợp với biên bản xác minh ngày 10/02/2023 của Tòa án.

[4] Xét thấy, mục đích hôn nhân giữa bà Lê Ngọc T và ông Bùi Hoàng T1 nhằm tạo lên một gia đình hòa thuận, hạnh phúc, vợ chồng yêu thương, giúp đỡ nhau, cùng nhau nuôi dạy con và phát triển kinh tế gia đình không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên trình bày của bà Lê Ngọc T về mâu thuẫn vợ chồng, không còn tình cảm và xin được ly hôn với ông Bùi Hoàng T1 là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[5] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung:

Bà Lê Ngọc T và ông Bùi Hoàng T1 sinh được 01 người con chung tên Bùi Lê BP, sinh ngày 04/02/2007, hiện nay con đang sống cùng với bà T. Sau khi ly hôn, bà Lê Ngọc T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Xét thấy, quá trình từ khi thụ lý vụ án đến nay Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông Tuấn nhưng ông Tuấn không có mặt và cũng không có ý kiến gì về các yêu cầu khởi kiện của bà T; mặt khác, cháu Bùi Lê BP hiện nay đang sống ổn

định cùng với bà T và có nguyện vọng được sống cùng với mẹ nên yêu cầu trực tiếp nuôi con của bà T được chấp nhận.

Đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Bà T trình bày hiện nay đang làm nghề tự do, môi giới và đầu tư đất đai có mức thu nhập hàng tháng khoảng 20 triệu đồng đủ khả năng và điều kiện nuôi con, bà T không yêu cầu ông Bùi Hoàng T1 cấp dưỡng nuôi con, việc không yêu cầu ông Tuấn phải cấp dưỡng nuôi con của bà T là tự nguyện nên ghi nhận.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật, không ai được cản trở; tuy nhiên không được lạm dụng quyền thăm con để gây cản trở, ảnh hưởng đến cuộc sống và học tập của con và người trực tiếp nuôi con. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: Bà Lê Ngọc T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; các điều 68, 69, 70, 71, 72; 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Ngọc T về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con với ông Bùi Hoàng T1.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Ngọc T được ly hôn ông Bùi Hoàng T1.

- Về con chung: Giao con chung tên Bùi Lê BP, sinh ngày 04/02/2007 cho bà Lê Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục; ghi nhận sự tự nguyện của bà Lê Ngọc T về việc không yêu cầu ông Bùi Hoàng T1 phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

2. Về án phí:

Bà Lê Ngọc T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0003656 ngày 23/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. Thuận An;
- Chi cục THADS Tp. Thuận An;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Trọng Quân